

Số: 01/2018/QĐST-HĐXX-DS.

LT, ngày 13 tháng 11 năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đình Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Ty

2. Ông Vũ Xuân Hải

Căn cứ vào các điều: Điều c Khoản 1 Điều 217; Điều 218; Khoản 2 Điều 219; Khoản 2 Điều 235 và khoản 2, 3, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Xét thấy:

*** Trong quá trình khởi kiện nguyên đơn ông BDL trình bày:**

Gia đình ông BDL có một mảnh đất rừng 31.700m² tại xã ĐM, huyện LT, tỉnh Hòa Bình, đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số seri 067523, số vào sổ 2002/QSĐĐ; do UBND huyện LT cấp ngày 01/6/1996; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên “ông BDL”.

Diện tích đất rừng nêu trên có nguồn gốc: năm 1984, bố mẹ ông BDL là cụ BDL1 và cụ NTH dẫn cả 8 người con gồm: BDL, BTL, BTP, BDK, BTT, BDH, BDH1, BTT1 từ Ninh Bình lên làm kinh tế, sinh sống tại thôn V, ĐM, LT. Ban đầu là đốt phát làm tự do; khoảng năm 1990, Nhà nước có dự án 3352 trồng rừng, sau đó ông ông L đứng ra nhận đất để trồng bạch đàn.

Khoảng cuối năm 2008, ông L đồng ý theo nguyện vọng của bố, cho 3 người em trai là anh H, anh K, anh H1 mỗi người mượn một thửa đất để cùng làm. Bố ông L là người dẫn các em lên đồi để phân định mốc giới; hôm đó ông L không có mặt nhưng vợ ông L có mặt. Mốc giới bố phân định cho mỗi anh em là: ông L với anh H một bên đồi, anh K với anh H1 một bên đồi; anh H nhận phần đất đã có cây keo ông L trồng khoảng hơn năm tuổi nên phải trả cho ông L 3 triệu tiền giống cây và công phát dọn, anh K, anh H1 nhận thửa đất mới phát dọn chưa có cây nên mỗi người thanh toán cho ông L 1 triệu. Ngoài ra mỗi anh em còn phải trả cho ông L 1 triệu tiền san mức đường vào đồi rừng ông L đã san mức.

Đến khoảng cuối năm 2017, ông L bán 30 cây keo ở vị trí bờ ao, đập thì anh H không cho bán dẫn đến tranh chấp; ông BDL yêu cầu TAND huyện LT giải quyết:

- Buộc anh H trả lại toàn bộ diện tích đất rừng sản xuất mà ông L đã cho anh H mượn để canh tác;

- Buộc anh H phải đồng ý cho ông L khai thác 30 cây keo thuộc quyền sở hữu của ông L .

Hai người em trai khác là anh K và anh H thì ông L vẫn cho mượn đất để sử dụng.

*** Bị đơn anh BDH trình bày:**

Đối với diện tích đất rừng do khai hoang tại thôn V, xã ĐM thì cả gia đình cùng làm, cùng sử dụng, cho đến năm 1996, Nhà nước có chế độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân thì bố anh H đã cho ông L là con trai cả đại diện cho gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hai chị của ông H là bà L, bà P đã đi lấy chồng. Còn lại 06 anh em gồm: ông L, chị T, anh H, anh K, anh H1, chị T1 tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa có ai lấy vợ, lấy chồng mà vẫn còn đang ở chung với bố, mẹ.

Năm 2006, mẹ anh H chết. Đến năm 2008, sau khi các anh em trai đều đã lấy vợ thì bố anh H đã chia đất rừng tại thôn Vôn cho 4 anh em trai với thực trạng đúng như ông L đã trình bày. Năm 2011, bố chết. Anh em vẫn sử dụng canh tác bình thường trên đất đã được bố phân chia. Tháng 9/2017 ông L bán 30 cây keo ở bờ ao, sông, anh H không đồng ý vì đây là cây nằm trên phần đất anh H được bố phân chia, cây do ông L trồng nhưng khi nhận đất bố phân chia thì anh H đã phải trả cho ông L 3 triệu đồng. Anh H khẳng định anh không mượn đất của ông L. Do việc tranh chấp 30 cây keo nên ông L kiện anh H ra Tòa án. Với hai yêu cầu như trên của ông L, anh H không nhất trí.

Nguyên đơn ông L và bị đơn anh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là những người con khác trong gia đình đều khai nhận thống nhất với nhau về diễn biến quá trình sử dụng đất. Về 30 cây keo, ông L cho rằng đó là của ông L nhưng tất cả các anh, chị, em trong gia đình ông L đều cho rằng anh H trình bày 30 cây keo của anh H là đúng.

Tại phiên tòa ông BDL rút toàn bộ đơn khởi kiện và nội dung, yêu cầu khởi kiện để giữ hòa khí anh em.

Trước Hội đồng xét xử, ông L khẳng định việc ông L rút đơn là hoàn toàn tự nguyện.

Vụ án không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của ông L.

Trên cơ sở hồ sơ vụ án, diễn biến phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và kết quả nghị án; Hội đồng xét xử xét thấy việc rút toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của ông L phù hợp với quy định tại Điều 5, Điểm c Khoản 1 Điều 217; Khoản 2 Điều 235 - Luật tố tụng dân sự 2015 nên cần chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của ông L và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự nêu trên.

Hậu quả của việc đình chỉ được áp dụng theo quy định tại Điều 218 – Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông L đã nộp cần trả lại cho ông L.

Đối với chi phí tố tụng gồm: tiền xem xét, thẩm định, định giá, chi phí đo đạc, ông L tự nguyện nộp và không đề nghị Tòa án phải giải quyết trong vụ án này.

Từ những nội dung trên;

Hội đồng xét xử - Tòa án nhân dân huyện LT;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 04/2018/TLST-DS ngày 22/3/2018 về việc “Đòi lại đất rừng sản xuất cho mượn” giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông BDL, sinh năm 1962;

- *Bị đơn*: Anh BDH, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: CD, AB, LT, Hòa Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Anh BDK, sinh năm 1970; Chị TTL, sinh năm 1981; Chị DTH, sinh năm 1980; Chị BTT1, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: CD, AB, LT, Hòa Bình.

+ Anh BDH1, sinh năm 1981; Bà BTP, sinh năm 1969; Chị BTD, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Thôn V, DM, LT.

+ Bà BTL, sinh năm 1964, địa chỉ: Số nhà 234, tổ 8, ấp LK, xã LH, BB, Bình Dương.

+ Bà BTT, sinh năm 1971; địa chỉ: khu nhà ở xã hội, Becamex, BB, Bình Dương.

+ Chị BTT1, sinh năm 1978 (vợ ông L).

Địa chỉ: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (HKTT): thôn V, DM, LT. Nơi cư trú: CD, AB, LT.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Quyền khởi kiện lại của đương sự được thực hiện theo quy định theo quy định tại Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về án phí: ông BDL được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.750.000 đồng, theo biên lai thu số 0005527 ngày 22/3/2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LT.

3. Đương sự, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh;
- VKSND huyện LT;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Đinh Lan Hương